

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **1664** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày **26** tháng **5** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung
thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng "QCXDVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh, UBND huyện Đakrông tại Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 14/5/2025 và ý kiến của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 56/BCTĐ-SXD ngày 13/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035 với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới:

- Phạm vi ranh giới điều chỉnh quy hoạch thị trấn: Toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, có ranh giới như sau:

+ Phía Bắc: Giáp xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông và xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ;

+ Phía Nam: Giáp xã Mò Ó, huyện Đakrông;

+ Phía Đông: Giáp xã Mò Ó, huyện Đakrông và xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ;

+ Phía Tây: Giáp xã Đakrông, huyện Đakrông.

- Phạm vi ranh giới định hướng mở rộng không gian quy hoạch: Một phần ranh giới hành chính xã Mò Ó (gồm các thôn: Khe Luồi, Phú Thiêng).

b) Quy mô lập quy hoạch: 2.025,37 ha; trong đó, diện tích điều chỉnh quy hoạch thị trấn Krông Klang là 1.841,27 ha và diện tích định hướng mở rộng không gian quy hoạch là 184,1 ha.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng phát triển đô thị Krông Klang đạt tiêu chí đô thị loại V, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành trung tâm chuyên ngành về kinh tế, văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đầu tư xây dựng đô thị; cơ sở để lập chương trình phát triển đô thị, các đồ án quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng.

b) Tính chất, chức năng: Là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của khu vực; là đô thị trung tâm tiểu vùng, kết nối giữa vùng núi cao và vùng trung du.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản

a) Quy mô dân số: Dự báo dân số khu vực thị trấn Krông Klang đến năm 2030 khoảng 8.000 người, đến năm 2035 khoảng 9.000 người.

b) Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Các chỉ tiêu áp dụng theo tiêu chí đô thị loại V (đất dân dụng bình quân toàn đô thị 70 - 100 m²/người; đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị ≥ 4 m²/người; tỉ lệ đất giao thông tính tới đường khu vực so với đất xây dựng đô thị $\geq 13\%$...).

5. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất thị trấn Krông Klang:

TT	Nhóm chức năng/ Loại chức năng sử dụng đất	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Khu đất dân dụng	62,46	3,39	78,65	4,27	89,97	4,89
1	Nhóm nhà ở	39,20	2,49	43,03	2,70	46,80	3,11
1.1	Nhóm nhà ở hiện trạng	39,20		39,20		39,20	
1.2	Nhóm nhà ở mới	0,00		3,83		7,60	
2	Giáo dục (Trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non)	6,65	0,36	6,65	0,36	10,47	0,57
2.1	Trường THPT	2,43		2,43		4,01	
2.2	Trường THCS, Tiểu học, mầm non	4,22		5,64		6,46	
3	Dịch vụ công cộng khác (y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại...)	4,37	0,24	7,42	0,40	9,44	0,51
4	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,45	0,02	0,59	0,03	0,59	0,03
5	Cây xanh sử dụng công cộng	0,00	0,00	4,50	0,24	4,50	0,24
6	Giao thông đô thị	10,74	0,58	15,13	0,82	16,84	0,91
6.1	Đường giao thông	10,74		12,00		13,50	
6.2	Bến xe	0,00		0,60		0,81	
6.3	Bãi đỗ xe	0,00		2,53		2,53	
7	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	1,05	0,06	1,33	0,07	1,33	0,07
II	Khu đất ngoài dân dụng	105,08	5,71	226,02	12,28	279,62	15,19

1	Sản xuất công nghiệp, kho tàng	13,63	0,74	30,13	1,64	30,13	1,64
2	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	2,37	0,13	2,69	0,15	5,73	0,31
3	Cơ quan trụ sở ngoài đô thị	6,72	0,36	6,49	0,35	9,58	0,52
4	Dịch vụ, du lịch	4,48	0,24	7,43	0,40	13,84	0,75
5	Trung tâm y tế	1,83	0,10	1,88	0,10	1,88	0,10
6	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, quảng trường	6,16	0,33	8,66	0,47	8,66	0,47
7	Cây xanh sử dụng hạn chế	0,00	0,00	30,08	1,63	30,62	1,66
8	Cây xanh chuyên dụng	0,00	0,00	1,33	0,07	1,33	0,07
9	Di tích, tôn giáo	0,98	0,05	0,98	0,05	0,98	0,05
10	An ninh	1,75	0,10	4,80	0,26	4,80	0,26
11	Quốc phòng	19,90	1,08	18,50	1,00	18,50	1,00
12	Giao thông đối ngoại	28,47	1,55	75,82	4,12	92,93	5,05
13	Nghĩa trang	14,85	0,81	23,41	1,27	23,41	1,27
14	Hạ tầng kỹ thuật khác	3,94	0,21	37,23	2,02	37,23	2,02
III	Khu nông nghiệp và chức năng khác	1.673,73	90,90	1.536,60	83,45	1.471,68	79,93
1	Sản xuất nông nghiệp	447,27	24,29	350,88	19,06	315,94	17,16
2	Lâm nghiệp	1.164,49	63,24	1.121,57	60,91	1.091,59	59,28
2.1	Rừng đặc dụng	0,00		0,00		0,00	
2.2	Rừng phòng hộ	547,63		539,77		539,77	
2.3	Rừng sản xuất	616,86		581,80		551,82	
3	Nuôi trồng thủy sản	0,31	0,02	0,17	0,01	0,17	0,01
4	Chưa sử dụng	12,07	0,66	4,39	0,24	4,39	0,24
5	Sông, suối, kênh, rạch	49,59	2,69	59,59	3,24	59,59	3,24
Tổng (I+II+III)		1.841,27	100	1.841,27	100	1.841,27	100

6. Định hướng phát triển không gian đô thị

a) Hướng phát triển đô thị: Phát triển đô thị theo hướng thương mại dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao; phát triển không gian đô thị theo cấu trúc tuyến trải dọc theo tuyến Quốc lộ 9 và Quốc Lộ 9H.

b) Phạm vi, quy mô các khu chức năng:

- Phân khu 1 (Cải tạo, chỉnh trang khu trung tâm): Có diện tích khoảng 254,92 ha. Định hướng cải tạo, chỉnh trang nâng cấp khu vực trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa hiện hữu, đáp ứng nhu cầu làm việc trụ sở chính trị, hành chính, hoạt động văn hóa cấp đô thị, ngoài đô thị và dân cư đô thị.

- Phân khu 2 (Khu vực phát triển mới kết hợp cải tạo, chỉnh trang): Có diện tích khoảng 394,68 ha. Định hướng xây dựng mới trung tâm thể dục thể thao tại khóm Khe Xong và nhà thi đấu tại đường Nguyễn Du để phục vụ hoạt động thi đấu, tập luyện thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe cho người dân. Cải tạo, nâng cấp mở rộng các cơ sở y tế hiện hữu đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân. Xây dựng mới Trường phổ thông dân tộc nội trú tại đường Lê Lợi. Quy hoạch cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung tại khóm A Rông, mở rộng giai đoạn 2 về phía Đông.

- Phân khu 3 (Khu vực bảo tồn hệ sinh thái): Có diện tích khoảng 1.191,67 ha, bao gồm khu vực rừng núi phía Đông và phía Tây. Định hướng bảo tồn tối đa hệ sinh thái rừng phòng hộ, rừng sản xuất; tôn trọng bảo vệ tối đa điều kiện tự nhiên.

c) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội:

- Trung tâm hành chính - chính trị: Quy hoạch mới khu các cơ quan Trung ương đóng tại địa bàn tại đường Nguyễn Du. Nâng cấp cải tạo trụ sở hiện trạng nằm trên tuyến đường Hùng Vương và đường Nguyễn Tất Thành; định hướng sau năm 2030, tiếp tục sắp xếp bố trí các trụ sở làm việc các cơ quan chuyên môn cấp xã theo hướng tập trung tại đường Hùng Vương. Xây dựng mới trụ sở an ninh tại đường Nguyễn Du.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ: Cải tạo, nâng cấp chợ Krông Klang. Xây dựng mới các trung tâm thương mại, dịch vụ dọc Quốc Lộ 9. Xây dựng mới các khu thương mại dịch vụ tại thôn Phú Thiềng, xã Mò Ó. Xây dựng tổ hợp dịch vụ du lịch tại phía Tây cầu qua sông Đakrông tại thôn Khe Luồi, xã Mò Ó.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng mới khu liên hợp thể dục thể thao tại khóm Khe Xong. Nâng cấp, cải tạo, xây mới các nhà văn hóa trung tâm kết hợp không gian quảng trường tại khóm 1, xây dựng mới quảng trường phía trước Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc Vân Kiều - Pa Cô tại khóm 2. Xây dựng mới nhà thi đấu tại đường Nguyễn Du.

- Trung tâm y tế: Hoàn thiện cơ sở trạm y tế hiện có đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân; Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa.

- Trung tâm giáo dục: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng các trường phổ thông trung học, trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú đạt chuẩn quốc gia; Định hướng sau năm 2030 xây dựng thêm trường phổ thông dân tộc nội trú mới tại đường Lê Lợi.

7. Thiết kế đô thị

- Cửa ngõ đô thị: Có 04 vị trí gồm Cửa ngõ số 1 nằm trên đường Quốc Lộ 9 phía Bắc; Cửa ngõ số 2 nằm trên tuyến đường Quốc Lộ 9 phía Nam; Cửa ngõ số 3 nằm trên tuyến đường Quốc Lộ 9H và Cửa ngõ số 4 nằm phía Nam khu vực cầu qua sông Đakrông (thôn Khe Luồi, xã Mò Ó).

- Trục chính đô thị: Bao gồm trục Quốc lộ 9 (mặt cắt 33m); trục đường Hùng Vương đoạn từ Quốc Lộ 9 đến cầu Khe Ruồi (mặt cắt 36m), đoạn từ cầu Khe Ruồi đến xã Mò Ó (mặt cắt 32m); trục đường Trần Hoàn, đường Lê Lợi, đường Xuân Diệu, đường Nguyễn Huệ, đường Nguyễn Chí Thanh, đường ven sông Đakrông, đường nối từ sân vận động đến cụm công nghiệp (mặt cắt 26m); trục đường Nguyễn Du (mặt cắt 27m).

- Điểm nhân đô thị: Lâm viên trung tâm thị trấn; các công trình dịch vụ - công cộng đô thị; khu vực quảng trường đô thị, quảng trường cây xanh; các nút giao thông trục chính đô thị.

- Không gian mở: Đập dâng Khe Ruồi; hành lang cây xanh dọc các lưu vực các khe suối, sông; quảng trường trung tâm đô thị; công viên cây xanh đô thị.

- Cây xanh đô thị: Xây dựng khu công viên trung tâm đô thị tại khu vực Khe Ruồi. Giai đoạn sau 2030 xây dựng công viên cây xanh tại Trường phổ thông dân tộc nội trú hiện hữu.

- Mặt nước: Bảo tồn, khai thác, phát huy cảnh quan mặt nước tự nhiên. Xây dựng các đập dâng để tạo không gian mặt nước, cải thiện môi trường khí hậu.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Cao tốc Triệu Phong - Lao Bảo đoạn đi qua khu vực khe Luồi, xã Mò Ó với quy mô 4 làn xe, Quốc lộ 9 (mặt cắt 33m), Quốc lộ 9H đoạn qua thị trấn (mặt cắt 32m, 36m), đường vành đai phía Bắc thị trấn (mặt cắt 26m), đường sắt Mỹ Thủy - Lao Bảo đi qua khu vực khe Luồi, xã Mò Ó (mặt cắt và hành lang lộ giới 40m) và một số tuyến đường khác có chức năng đối ngoại.

- Giao thông đối nội:

+ Đường cấp đô thị: Bao gồm các tuyến đường có mặt cắt từ 26m trở lên và các tuyến đường được quy hoạch có khoảng lùi đủ 26m.

+ Đường cấp khu vực: Bao gồm các tuyến đường có mặt cắt 16m trở lên và các tuyến đường được quy hoạch có khoảng lùi đủ 16m.

+ Đường cấp nội bộ: Bao gồm các tuyến đường có mặt cắt nhỏ hơn 16m.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch các bãi đỗ xe đáp ứng nhu cầu của các khu chức năng và dân cư với tổng diện tích là 2,53 ha; ngoài ra, bãi đỗ xe còn được bố trí tại khu vực quảng trường, các công trình, nhóm nhà ở.

b) Cao độ nền:

Cao độ nền khống chế theo tính toán chu kỳ lặp lại mực nước ngập đối với khu ở, khu công nghiệp - kho tàng và khu trung tâm, thể dực thể thao là 10 năm; Cao độ nền khống chế theo tính toán chu kỳ lặp lại mực nước ngập đối với khu cây xanh cách ly là 2 năm; bám theo địa hình tự nhiên, chỉ san gạt cục bộ.

c) Thoát nước mưa:

- Lưu vực thoát nước: Toàn khu vực lập quy hoạch được chia làm 02 lưu vực chính thoát nước riêng biệt.

+ Lưu vực 1 (lưu vực chính Khe Ruôi): Bao gồm khu vực phía Bắc và Nam Quốc lộ 9. Hướng thoát nước chính về hướng Nam rồi chảy ra sông Đakrông.

+ Lưu vực 2 (khu vực Khe Luồi, Phú Thiêng (xã Mò Ó): Thoát ra sông Đakrông theo các khe suối, mương thoát nước.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng hoàn toàn, bao gồm: Rãnh - hố thu - hố ga - đường cống - cửa xả. Hệ thống thoát nước mưa bố trí ngầm dưới vỉa hè, sử dụng hệ thống ống bê tông ly tâm.

d) Cấp điện, chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 khoảng 8.400 kW; đến năm 2035 khoảng 12.100 kW.

- Nguồn cấp điện: Lấy từ Xuất tuyến XT 371 trạm 110kV Khe Sanh cấp cho thị trấn; Xây dựng mới tuyến đường dây 22kV; Cải tạo nâng công suất các trạm hạ thế 22/0,4kV hiện có cho phù hợp với nhu cầu phụ tải; Bổ sung xây dựng mới các trạm hạ thế 22/0,4kV cho các khu vực phát triển phụ tải mới.

- Chiếu sáng: Cải tạo, nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng theo hướng sử dụng thiết bị có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.

đ) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 khoảng 2.800 m³/ ngày.đêm, đến năm 2035 khoảng 3.300 m³/ ngày.đêm.

- Nguồn cấp nước: Giai đoạn đến năm 2030, nguồn cấp nước từ nhà máy nước Krông Klang (nâng cấp công suất từ 2.000 m³/ngày đêm lên 4.000 m³/ngày đêm), sử dụng nguồn sông Đakrông; bố trí trạm bơm nước về phía thượng lưu cầu đôi khoảng 200m khi có điều kiện. Giai đoạn đến năm 2035, tiếp tục sử dụng nguồn cấp nước từ nhà máy nước Krông Klang.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Mạng lưới đường ống được bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ, đường ống sử dụng ống nhựa HDPE.

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng nguồn nước sinh hoạt kết hợp với nguồn nước mặt. Bố trí các trụ cứu hỏa tuân theo quy định về phòng cháy chữa cháy.

e) Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải đến năm 2030 khoảng 1.900 m³/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 2.300 m³/ngày đêm.

- Phương án xử lý nước thải: Xây dựng trạm xử lý và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cho đô thị.

- Nước thải y tế: Được thu gom và xử lý riêng, chất lượng nước sau khi xử lý bảo đảm yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận hoặc đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý riêng tại các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm các yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

g) Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Chất thải rắn: Quy hoạch thu gom xử lý chất thải tại phía Tây thôn A Rông, quy mô 13,00 ha.

- Nghĩa trang: Quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân tại thôn A Rông, quy mô 10,31 ha. Đối với nghĩa trang hiện hữu xen lẫn trong dân cư được di dời dần theo các giai đoạn quy hoạch.

h) Hạ tầng viễn thông thụ động: Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại; từng bước ngầm hoá, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo mỹ quan đô thị.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh, duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước đảm bảo các quy định về môi trường.

Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên; bảo tồn và phát huy hệ sinh thái, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học, cải thiện chất lượng nước. Khu vực phát triển khu đô thị đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn, duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, các hệ thống kênh thoát nước và hồ điều hòa.

10. Nội dung quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Quy định hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, bảo vệ, sử dụng hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo đúng đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035 (*Quy định quản lý kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Đakrông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, tài liệu, bản vẽ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo quyết định được duyệt, công bố công khai rộng rãi, đầy đủ nội dung quy hoạch đã phê duyệt cho các ngành, địa phương, đơn vị và Nhân dân biết, đồng thời quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thẩm định đồ án. Hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ rà soát tình hình triển khai thực hiện đồ án quy hoạch được duyệt.

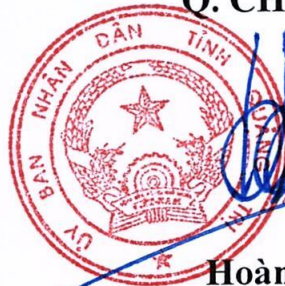
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; Chủ tịch UBND huyện Đakrông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ONT*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- QCT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_{TDP}. *W*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Hoàng Nam